TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 959 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 10 -2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN,TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Cao Thị Phương Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 647/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thanh T, sinh năm: 1982;
HKTT:45 Lê Thánh T, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Cư trú tại: 35/2/20 Lý Thái T,TP.Quy Nhơn,tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn:* Anh Trần Công B, sinh năm: 1982;
HKTT:45 Lê Thánh T, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Cư trú tại: 35/2/20 Lý Thái T, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Chị Đinh Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Trần Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Đinh Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Trần Công B chung sống với nhau từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu 02 năm, đăng ký kết hôn số 90/2005 ngày 29/9/2005 tại UBND P. Lê L, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B có quan hệ ngoại tình không lo làm ăn, đánh đập chị. Trước đây, chị đã 02 lần đơn đến tòa yêu cầu được ly hôn anh B. Sau đó vì con chị đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng cũng không được giải quyết, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn. Chị nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung

+ Trần Đinh Thúy N, sinh ngày: 04/9/2006

+ Trần Minh P, sinh ngày 06/12/2009

Hiện 02 cháu đang ở với anh chị, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh P, còn cháu Trần Đinh Thúy N giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anhTrần Công B trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do gặp khó khăn về kinh tế,phải bán nhà trả nợ. Anh cũng tự nhận thấy bản thân còn có suy nghĩ nông cạn do được mẹ ruột quá bảo bọc. Anh mong chị T tha thứ vì vẫn còn tình cảm với chị nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh P, còn cháu Trần Đinh Thúy N giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đinh Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày về căn cứ khởi kiện xin ly hôn anh Trần Công B; yêu cầu công nhận về việc thỏa thuận giữa anh chị tại phiên hòa giải về việc nuôi con chung sau ly hôn; không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành nghĩa vụ có mặt theo triệu tập của tòa như qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Công B.

-Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn: chị Đinh Thị Thanh T được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh P sinh ngày 06/12/2009, anh Trần Công B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đinh Thúy N sinh ngày: 04/9/2006. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu giải quyết.

-Tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Công B, bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại các điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn .

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Thanh T với anh Trần Công B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo lời trình bày của chị T anh B có quan hệ ngoại tình không lo làm ăn, đánh đập chị. Chị T đã đưa đơn xin ly hôn anh B sau đó rút đơn về để hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện. Anh B cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và nhận thấy bản thân có lỗi. Tuy nhiên, anh B không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị là đúng thực tế. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt dù được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Như vậy, bản thân anh B không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Vợ chồng anh chị có 02 con chung:

+ Trần Đinh Thúy N, sinh ngày: 04/9/2006

+ Trần Minh P, sinh ngày 06/12/2009

Hiện 02 cháu đang ở với anh chị, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn, anh chị tự thỏa thuận việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn: chị Đinh Thị Thanh T được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh P sinh ngày 06/12/2009, anh Trần Công B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đinh Thúy N sinh ngày: 04/9/2006. Xét sự thỏa thuận về việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và qui định tại Điều khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu theo qui định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 và các điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Công B.

2- Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn: chị Đinh Thị Thanh T được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh P sinh ngày 06/12/2009, anh Trần Công B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đinh Thúy N sinh ngày: 04/9/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001663 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.Quy Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Cao Thị Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
\	
Trần Thị Bích Hợp – Phạm Ngọc Đông	**Cao Thị Phương Thảo**